

Số: 70/2022/QĐST-HNGĐ

P, ngày 16 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 99/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Y, sinh năm 1997;

Đăng ký HKTT: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H;

Địa chỉ hiện nay: Thôn A, xã C, huyện T, tỉnh H.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/01/2016;

+ Cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 11/6/2017;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H.

Đại diện hợp pháp của cháu N, cháu P: Anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Thị Y là bố mẹ đẻ của các cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/11/2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08/11/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Y và anh Nguyễn Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Y và anh Nguyễn Văn D nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Bùi Thị Y và anh Nguyễn Văn D xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 04/01/2016 và cháu Nguyễn Tiến P, sinh ngày 11/6/2017. Ly hôn, chị Y và anh D thỏa thuận thống nhất giao cháu N cho anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi; giao cháu P cho chị Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Chị Y và anh D thỏa thuận do mỗi người nuôi một cháu nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, chị Bùi Thị Y và anh Nguyễn Văn D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Bùi Thị Y và anh Nguyễn Văn D xác định vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Bùi Thị Y và anh Nguyễn Văn D thỏa thuận thống nhất chị Y tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006183 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H; chị Y đã nộp đủ án phí. Hoàn trả chị Bùi Thị Y 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh H;
- UBND xã T, GCNKH số 22/2015;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q